

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 202/2020/DS-PT

Ngày 03- 12- 2020

V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phụng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Thuần, ông Trần Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nguyên –Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 03/12/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 213/2020/TBTL-TA ngày 15 tháng 10 năm 2020, về việc “Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/DS - ST ngày 13/8/2020, của Tòa án nhân dân huyện Ea H’leo, tỉnh Đắk Lắk bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2020/QĐ - PT ngày 21/10/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Đức D, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn ED, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Văn S, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn ED, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Ngọc L, sinh năm 1984; địa chỉ: Buôn B, thị trấn ED, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn ED, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

* Cơ quan kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H’leo, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Ngô Đức D trình bày:

Ngày 23/12/2015 âm lịch (ngày 01/02/2016), ông Lê Văn S vay của ông Ngô Đức D số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 24/12/2015 âm lịch (ngày 02/02/2016), ông Lê Văn S vay của ông Ngô Đức D số tiền 60.000.000 đồng.

Khi vay hai bên viết giấy tay xác nhận số nợ, lãi suất của cả hai lần vay thỏa thuận là 3%/tháng. Các lần vay đều có ông Phạm Ngọc L làm chứng.

Đến nay, do nợ đã lâu, ông D nhiều lần đòi nhưng ông S chưa trả cả gốc lẫn lãi nên ông D khởi kiện yêu cầu ông S trả số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng và yêu

cầu ông S trả lãi suất bằng $\frac{1}{2}$ mức lãi suất đã thỏa thuận là 1,5%/tháng tính từ lúc vay cho đến ngày trả hết nợ.

Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Lê Văn S trình bày:

Ông S thừa nhận ngày 23/12/2015 âm lịch (ngày 01/02/2016), ông Lê Văn S vay của ông Ngô Đức D số tiền 10.000.000 đồng và ngày 24/12/2015 âm lịch (ngày 02/02/2016), ông S vay của ông D số tiền 60.000.000 đồng; lãi suất là 3%/tháng. Tuy nhiên, số tiền này là ông S và ông Phạm Ngọc L vay chung để kinh doanh chung với nhau. Nay ông S và ông L không còn kinh doanh chung, toàn bộ tài sản đóng góp để kinh doanh chung ông S đã giao cho ông L quản lý, ông S và ông L thỏa thuận là ông L có nghĩa vụ trả số nợ đã vay của ông D nên đề nghị ông D chấp nhận để ông L là người trả số nợ đã vay.

Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Ngọc L trình bày:

Ông L thừa nhận ngày 23/12/2015 âm lịch (ngày 01/02/2016) ông L và ông S có vay của ông D số tiền 10.000.000 đồng; ngày 24/12/2015 âm lịch (ngày 02/02/2016) ông L và ông S vay của ông D số tiền 60.000.000 đồng, với mức lãi suất 3%/tháng. Số tiền này ông L và ông S vay chung để kinh doanh. Nay ông S và ông L không còn kinh doanh chung với nhau nữa, toàn bộ tài sản đóng góp để kinh doanh chung ông S đã giao cho ông L quản lý, ông L có nghĩa vụ trả số nợ đã vay của ông D nên đề nghị ông D chấp nhận để ông L là người trả số nợ đã vay.

* Tại bản án số 29/2020/DS-ST ngày 13/8/2020, của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 119; Điều 463; Điều 466; khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Ngô Đức D. Buộc ông Lê Văn S phải trả cho ông Ngô Đức D số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng và 56.790.000 đồng lãi suất.

Kể từ ngày 14/8/2020, ông Lê Văn S tiếp tục phải chịu lãi suất 1,5%/tháng đối với khoản nợ gốc 70.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Về án phí: Ông Lê Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.339.500 đồng. Trả lại cho ông Ngô Đức D 1.500.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện EH theo Biên lai số 0001264, ngày 06/12/2019. Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/9/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo ban hành Quyết định kháng nghị số 437/QĐKNPT-VKS-DS, kháng nghị bản án sơ thẩm với nội dung Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm do xác định sai mức lãi suất; buộc người phải thi hành án chịu lãi suất chậm trả khi thi hành án không đúng với số tiền phải thi hành án. Về tuyên buộc trách nhiệm trả nợ: Không tuyên quyền khởi kiện cho ông S đối với phần nghĩa vụ liên đới của ông L đối với ông S.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung Quyết định kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục xét xử phúc thẩm vụ án.

- Về nội dung: Xét thấy, Tòa sơ thẩm áp dụng không đúng căn cứ pháp luật, dẫn đến xác định sai mức lãi suất; buộc người phải thi hành án chịu lãi suất chậm trả khi thi hành án không đúng với số tiền phải thi hành án, dẫn đến tính án phí mà bị đơn phải chịu không đúng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, nên cần sửa án sơ thẩm theo hướng áp dụng đúng quy định pháp luật để tính lãi suất, án phí và tuyên về quyền khởi kiện cho ông S đối với ông L theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận Quyết định kháng nghị số 437/QĐKNPT-VKS-DS ngày 01/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/DS-ST ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk, theo hướng như đã phân tích trên.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện EaH'Leo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

Quyết định kháng nghị số 437/QĐKNPT-VKS-DS ngày 01/9/2020, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo ban hành trong thời hạn luật định. Do đó, vụ án được thụ lý và giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng đến tham gia phiên tòa lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử hội ý và quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về áp dụng pháp luật:

Ngày 01/02/2016, ông S vay của ông Ngô Đức D số tiền 10.000.000 đồng, tại giấy vay tiền các bên không ghi rõ thời gian trả nợ. Ngày 02/02/2016, ông S vay của ông Ngô Đức D số tiền 60.000.000 đồng, hẹn trả nợ vào cuối năm 2016, hai bên thỏa thuận lãi suất của cả hai lần vay là 3%/tháng/nợ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự đều xác định ông S có nghĩa vụ thanh toán cho ông D cả hai khoản tiền vay nói trên vào ngày 30 tháng 12 năm 2016. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông D. Do đó, ông D khởi kiện yêu cầu ông S phải thanh toán nợ cho ông D và yêu cầu ông S phải chịu lãi suất theo mức

1,5%/tháng/nợ đối với cả hai khoản vay, tính từ ngày chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đến khi thanh toán dứt điểm nợ.

Nhận thấy, khi thực hiện hợp đồng vay, các đương sự thoả thuận mức lãi suất 3%/tháng/nợ là cao, không phù hợp với quy định của pháp luật. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông D yêu cầu ông S phải chịu lãi suất theo mức 1,5%/tháng/nợ. Tuy nhiên, hợp đồng vay tài sản giữa các bên được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật (ngày 01/01/2017). Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 thì việc áp dụng pháp luật để giải quyết vụ án phải căn cứ vào Bộ luật Dân sự 2005. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi suất 1,5%/tháng/nợ cho các khoản vay trên theo yêu cầu của nguyên đơn là không đúng quy định pháp luật. Vì vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H' Leo về việc áp dụng pháp luật là có căn cứ cần chấp nhận.

Về lãi suất: Căn cứ vào các Điều 474; Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 4 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất:

Đối với lãi suất trong hạn: Điểm a khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết quy định:

...

“a) Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xác lập hợp đồng tương ứng với thời gian vay chưa trả lãi. Trường hợp các bên không xác định rõ lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ.

Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả = (nợ gốc chưa trả) x (lãi suất theo thỏa thuận hoặc lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xác lập hợp đồng) x (thời gian vay chưa trả lãi trên nợ gốc)”...

Đối với lãi suất quá hạn: Điểm b khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết quy định:

...“b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả.

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả nợ gốc)”...

Theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước, thì quy định lãi suất tiền vay tại thời điểm này là 0,9%/năm, tức là 0,75%/tháng. Như vậy, lãi suất trong hạn được tính trong trường hợp này không được vượt quá 13,5%/năm/nợ, tức là 1,125%/tháng/nợ. Lãi suất trên nợ gốc quá hạn được tính theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả, cụ thể là 0,75%/tháng/nợ. Tuy nhiên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo kháng nghị theo hướng tính lãi suất đối với toàn bộ số nợ bị đơn vay của nguyên đơn với mức 13,5%/năm/nợ, tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là không phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo về lãi suất. Vì vậy, lãi suất được tính lại như sau:

- Đối với khoản vay 10.000.000 đồng:
 - + Lãi suất trong hạn tính từ ngày vay 01/02/2016, đến thời điểm thanh toán theo thỏa thuận của các bên là ngày 30/12/2016; cụ thể là:
 $10.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng} \times 11 \text{ tháng} = 1.237.500 \text{ đồng};$
 - + Lãi suất quá hạn tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/8/2020) là :
 $10.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 43 \text{ tháng} = 3.257.500 \text{ đồng};$
- Tổng cộng lãi suất ông S phải thanh toán cho ông D tính đến ngày xét xử sơ thẩm đối với khoản nợ 10.000.000 đồng là 4.495.000 đồng.
- Đối với khoản vay 60.000.000 đồng:
 - + Lãi suất trong hạn tính từ ngày vay 02/02/2016, đến thời điểm thanh toán theo thỏa thuận của các bên là ngày 30/12/2016; cụ thể là:
 $60.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng} \times 10 \text{ tháng} = 7.402.500 \text{ đồng};$
 - + Lãi suất quá hạn tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/8/2020) là:
 $60.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 43 \text{ tháng} = 19.545.000 \text{ đồng};$
- Tổng cộng lãi suất ông S phải thanh toán cho ông D tính đến ngày xét xử sơ thẩm đối với khoản nợ 60.000.000 đồng là 26.947.500 đồng.
- Tổng cộng lãi suất ông S phải thanh toán cho ông D tính đến ngày xét xử sơ thẩm đối với cả hai khoản vay là 31.442.000 đồng.
- Như vậy tổng số tiền ông S phải thanh toán cho ông D là 101.442.500 đồng, trong đó nợ gốc là 70.000.000 đồng, nợ lãi là 31.442.500 đồng.

[2.2] Tuyên buộc người phải thi hành án chịu lãi suất chậm trả khi thi hành án không đúng với số tiền phải thi hành án.

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất:

“1. Khi giải quyết vụ án hình sự, hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, cùng với việc quyết định khoản tiền mà bên có nghĩa vụ về tài sản phải thanh toán cho bên được thi hành án thì Tòa án phải quyết định trong bản án hoặc quyết định (Phần quyết định) như sau:

a) Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015”...

Như vậy, hợp đồng vay giữa các bên có thỏa thuận về lãi suất, nhưng mức lãi suất các bên thỏa thuận là cao so với quy định của pháp luật, do đó cấp sơ thẩm tuyên kể từ ngày 14/8/2020 ông S phải chịu lãi suất 1,5%/tháng (đây là mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu thấp hơn mức lãi suất theo quy định (mức lãi suất quy định là 1,667%/tháng/nợ) có lợi cho bị đơn, là phù hợp. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên ông S phải chịu lãi suất 1,5%/tháng đối với khoản nợ gốc 70.000.000

đồng là chưa đúng theo tinh thần của Nghị quyết. Do đó, Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cho phù hợp, cụ thể: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 1,5%/tháng/nợ.

[2.3] Về trách nhiệm trả nợ:

Nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án ông L thừa nhận ông L và ông S cùng vay của ông D số nợ nói trên. Ông L chấp nhận trả cho ông D toàn bộ số nợ trên. Tuy nhiên ông D cho rằng ông L chỉ là người làm chứng việc ông S vay tiền của ông, tại giấy vay tiền ông L ký với tư cách người làm chứng. Do đó, ông D không chấp nhận việc ông L là người thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với hai khoản nợ ông S vay ông. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông S trả cho ông D toàn bộ số nợ trên là có căn cứ.

Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên quyền khởi kiện của ông S đối với ông L trong bản án, không làm mất đi quyền khởi kiện của ông S đối với ông L. Tại phiên tòa phúc thẩm ông S yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét buộc ông L có trách nhiệm liên đới cùng ông S trả cho ông D số nợ trên. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông S không có yêu cầu. Do đó, vượt quá phạm vi xét xử của Hội đồng xét xử. Ông S vẫn có quyền khởi kiện ông L bằng vụ kiện dân sự khác nếu có yêu cầu và có đủ điều kiện khởi kiện. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo kháng nghị áp dụng khoản 2 Điều 288 Bộ luật Dân sự 2015 để dành quyền khởi kiện cho ông S đối với khoản tiền ông L cùng ông S vay ông D số nợ trên là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Do có sự thay đổi về số tiền ông Lê Văn S có nghĩa vụ phải trả cho ông Ngô Đức D, nên cần tính lại án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp. Cụ thể ông S phải chịu 5.072.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 437/QĐKNPT-VKS-DS ngày 01/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo – Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/DS-ST ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 437/QĐKNPT-VKS-DS ngày 01/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo – Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/DS-ST ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005; điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015

Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Ngô Đức D. Buộc ông Lê Văn S phải trả cho ông Ngô Đức D số tiền 101.442.500 (Một trăm lẻ một triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm) đồng, trong đó nợ gốc là 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng, nợ lãi là 31.442.500 (Ba mươi một triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 1,5%/tháng/nợ.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn S phải chịu 5.072.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Ngô Đức D 1.500.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện EH theo Biên lai số 0001264, ngày 06/12/2019.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea H'leo;
- Chi cục THADS huyện EH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Thị Phụng